

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 29
7. Phụ lục	30 - 31

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phép Công ty chuyển đổi sang công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ : 181.494.460.000 VNĐ (Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

### 2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 386, Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại : 02043.855757

Mã số thuế : 2400126106

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- SXKD nước sạch, xây dựng.

### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

#### 4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hương Xuân Công	Chủ tịch	23/04/2021	-
Ông Trần Đăng Điều	Thành viên	21/04/2021	-
Ông Lê Ngọc Duyên	Thành viên	21/04/2021	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	21/04/2021	-
Ông Ngô Thành Chung	Thành viên	21/04/2021	-

#### 4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban	23/04/2021	-
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên	21/04/2021	-
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên	-	21/04/2021
Bà Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên	21/04/2021	-

31281  
CÔNG  
NHIỆM  
TOÁN VÀ  
QUẢN  
TP. H



#### 4.3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Đăng Điều	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Duyên	Phó Giám đốc

#### 5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hướng Xuân Công – Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

#### 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### 9. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2021. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

75 - C  
TY  
HỮU HẠN  
TƯ VẤN  
VIỆT  
CHÍNH





Số: 2096/22/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang, được lập ngày 17 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

M.S.D.N : 03/...  
TRÁCH  
KIỂM  
QUẢN 5



**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.10 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả như sau: Dự án Nhà máy nước số 2 đơn vị đang là chủ đầu tư, đã dừng triển khai theo Thông báo số 120-TB/TU của Tỉnh ủy Bắc Giang ngày 25 tháng 11 năm 2016 để đầu tư vào Dự án Nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

Số tiền đã đầu tư vào Dự án Xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang là 12.002.822.443 đồng. Toàn bộ chi phí đã phát sinh này sẽ được tập hợp và giải quyết khi Dự án được quyết toán.

Theo Thông báo kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang số 120-TB/TU ngày 25/11/2016: Nhất trí chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang của Công ty CP Nhựa Đồng Nai, dừng triển khai và không vay vốn ADB thực hiện Dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang do Công ty CP Nước sạch Bắc Giang làm chủ đầu tư, theo đề xuất của chủ tịch UBND tỉnh tại Tờ trình số 3686/TTr-UBND ngày 18/11/2016 về việc chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính làm trung gian, phối hợp chặt chẽ với Công ty CP Nước sạch Bắc Giang và Công ty CP Nhựa Đồng Nai trong quá trình Công ty CP Nhựa Đồng Nai tham gia mua cổ phần làm cổ đông chiến lược của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang cũng như giải quyết các chi phí đã phát sinh cho Dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang vay vốn ADB theo quy định.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2022.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)**




**Nguyễn Thị Ngọc Nga – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN số: 0351-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN số: 2817-2020-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

0312  
CÓN  
CH NHIỆ  
TOÁN  
HUẢ  
TP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>117.819.970.045</b>	<b>124.024.843.906</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>32.195.414.649</b>	<b>18.526.705.098</b>
111	1. Tiền		4.858.647.143	6.015.198.409
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.336.767.506	12.511.506.689
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>65.453.575.797</b>	<b>72.822.655.188</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	65.453.575.797	72.822.655.188
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.941.915.868</b>	<b>23.592.666.450</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	818.646.520	736.498.033
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	7.658.995.538	21.935.034.017
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	1.666.520.810	1.123.381.400
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(202.247.000)	(202.247.000)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>9.518.811.251</b>	<b>8.229.391.286</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.7	9.518.811.251	8.229.391.286
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>710.252.480</b>	<b>853.425.884</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		710.252.480	853.425.884
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>107.413.650.448</b>	<b>104.643.606.982</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>80.025.255.506</b>	<b>82.863.816.245</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	80.025.255.506	82.863.816.245
222	- Nguyên giá		294.422.288.528	284.818.635.091
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(214.397.033.022)	(201.954.818.846)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	-
228	- Nguyên giá		579.777.977	579.777.977
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(579.777.977)	(579.777.977)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>25.931.261.521</b>	<b>19.737.259.073</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	25.931.261.521	19.737.259.073
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.457.133.421</b>	<b>2.042.531.664</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	1.457.133.421	2.042.531.664
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>225.233.620.493</b>	<b>228.668.450.888</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>34.544.833.464</b>	<b>38.584.142.291</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>34.544.833.464</b>	<b>38.584.142.291</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	2.459.485.720	6.233.788.334
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	30.624.892	30.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	64.460.626	1.157.048.251
314	4. Phải trả người lao động	V.15	14.630.117.000	14.134.008.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	14.538.690.886	14.483.145.250
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		191.000.000	169.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	2.630.454.340	2.377.152.456
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>190.688.787.029</b>	<b>190.084.308.597</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.18	<b>190.688.787.029</b>	<b>190.084.308.597</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		181.494.460.205	181.494.460.205
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		181.494.460.205	181.494.460.205
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		881.673.248	881.673.248
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.312.653.576	7.708.175.144
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		12.810.040	10.818.501
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.299.843.536	7.697.356.643
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>225.233.620.493</b>	<b>228.668.450.888</b>

Người lập biểu



TRẦN ĐỨC THANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



Bắc Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch HĐQT

HƯƠNG XUÂN CÔNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	147.398.669.335	151.919.850.016
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	162.427.056	75.589.057
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		147.236.242.279	151.844.260.959
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	94.573.396.107	101.170.605.315
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.662.846.172	50.673.655.644
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	3.595.758.492	5.199.178.732
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	31.256.349.752	30.326.724.015
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	14.819.072.486	15.518.161.372
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.183.182.426	10.027.948.989
31	11. Thu nhập khác	VI.8	1.953.845.883	1.175.644.193
32	12. Chi phí khác	VI.9	73.302.239	13.394.332
40	13. Lợi nhuận khác		1.880.543.644	1.162.249.861
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.063.726.070	11.190.198.850
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.688.921.650	1.568.503.046
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.374.804.420	9.621.695.804
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	457	424
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	457	424

Người lập biểu



TRẦN ĐỨC THANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



Bắc Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



HƯƠNG XUÂN CÔNG



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		162.140.661.507	168.762.728.600
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(82.757.443.498)	(110.812.611.791)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(40.782.412.300)	(39.950.178.000)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(2.129.717.131)	(1.419.769.921)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.269.829.688	129.756.509.630
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.700.905.651)	(152.307.914.880)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>17.040.012.615</b>	<b>(5.971.236.362)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(6.917.382.837)	(8.869.246.047)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		31.362.634	156.363.637
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(2.000.000.000)	(39.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.782.147.889	53.210.618.699
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		340.689.994	462.904.845
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>4.236.817.680</b>	<b>5.460.641.134</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.608.120.744)	(3.611.739.754)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(7.608.120.744)</b>	<b>(3.611.739.754)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>13.668.709.551</b>	<b>(4.122.334.982)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		18.526.705.098	22.649.040.080
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	V.1	<b>32.195.414.649</b>	<b>18.526.705.098</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



TRẦN ĐỨC THANH



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



HƯƠNG XUÂN CÔNG

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phép Công ty chuyển đổi sang công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ : 181.494.460.000 VNĐ (Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh nước sạch và xây dựng.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch.
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình điện hạ thế từ 35KV trở xuống.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày mang tính so sánh giữa các kỳ kế toán.

### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 265 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 264 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

33128  
CÔNG  
CH NHIỆ  
TOÁN  
HƯ  
- TP.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

3175  
3 TY,  
M HỮU  
VÀ T U  
V VII  
HỒ C



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30 năm
Tài sản cố định khác	03 - 25 năm

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm theo thời gian giao đất (10 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí





## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 11. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

#### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

#### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu bán nước sạch*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm.





## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu xây dựng và doanh thu lắp đặt đồng hồ nước*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm là khoản giảm trừ hàng bán.

#### 15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của thành phẩm và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

#### 16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

28175  
CÔNG TY  
TỆM HỮU  
N VÀ T  
IN VI  
HỒ C

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

#### 1. Tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	1.538.967.957	753.998.994
1.2	Tiền gửi ngân hàng	3.319.679.186	5.261.199.415
1.3	Các khoản tương đương tiền	27.336.767.506	12.511.506.689
<b>Tổng cộng</b>		<b>32.195.414.649</b>	<b>18.526.705.098</b>

#### 1.2 Tiền gửi ngân hàng

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.2	Tiền Việt Nam	3.319.679.186	5.261.199.415
1.2.1	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Bắc Giang	79.042.710	719.119.561
1.2.2	Ngân hàng NN & Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang	882.614.278	3.336.721.881
1.2.3	Ngân hàng TMCP Techcombank Bắc Giang	107.881.452	472.706.533
1.2.4	Ngân hàng TMCP Vietinbank Bắc Giang	157.663.900	409.368.465
1.2.5	Ngân hàng TMCP Vietcombank Bắc Giang	2.091.975.093	322.782.221
1.2.6	Ngân hàng Hợp tác xã VN – CN Bắc Giang	501.753	500.754
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.319.679.186</b>	<b>5.261.199.415</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 1.3 Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.3.1	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank	6.525.270.800	2.004.931.500
1.3.2	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietcombank	10.648.557.870	4.387.839.673
1.3.3	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	6.036.289.991	4.073.372.207
1.3.4	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang	2.124.183.092	2.045.363.309
1.3.5	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietinbank	2.002.465.753	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>27.336.767.506</b>	<b>12.511.506.689</b>

Không có khoản tiền gửi nào bị phong tỏa hay đem đi cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

### 2. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Techcombank	18.445.015.124	29.990.309.384
2.2	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank	26.375.000.000	25.000.000.000
2.3	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Vietcombank	4.181.007.576	3.971.115.103
2.4	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng BIDV	6.272.070.454	6.040.379.364
2.5	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Vietinbank	5.532.982.644	5.320.851.337
2.6	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang	2.647.499.999	2.500.000.000
2.7	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng MSB	2.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>65.453.575.797</b>	<b>72.822.655.188</b>

Không có khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn nào bị phong tỏa hay đem đi cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu khách hàng khác</b>	<b>818.646.520</b>	<b>736.498.033</b>
Trường THPT Lục Ngạn 2	202.247.000	202.247.000
Các đối tượng khác	616.399.520	534.251.033
<b>Cộng</b>	<b>818.646.520</b>	<b>736.498.033</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho các đối tượng khác</b>	<b>7.658.995.538</b>	<b>21.935.034.017</b>
Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP Bắc Giang (*)	4.779.455.488	19.132.249.455
Công ty CP Đầu Tư Xây dựng-XNK TH Minh Ngọc (**)	2.600.000.000	2.600.000.000
Các đối tượng khác	279.540.050	202.784.562
<b>Cộng</b>	<b>7.658.995.538</b>	<b>21.935.034.017</b>

(\*) Là khoản ứng trước tiền mua buôn nước sạch.

(\*\*) Là khoản tạm ứng trước cho nhà thầu tư vấn để thực hiện Dự án Nhà máy nước số 2.

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1	Tạm ứng	975.000.000	269.300.000
5.2	Phải thu ngắn hạn khác	691.520.810	854.081.400
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.666.520.810</b>	<b>1.123.381.400</b>

**5.1 Tạm ứng**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tạm ứng cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Tạm ứng cho các đối tượng khác</b>	<b>975.000.000</b>	<b>269.300.000</b>
Nguyễn Văn Huy	350.000.000	-
An Đình Thành	230.000.000	107.300.000
Đối tượng khác	395.000.000	162.000.000
<b>Cộng</b>	<b>975.000.000</b>	<b>269.300.000</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu đối tượng khác</b>	<b>691.520.810</b>	<b>854.081.400</b>
Phải thu về thuế TNCN	9.472.660	14.033.250
Tính trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	660.000.000	818.000.000
Đối tượng khác	22.048.150	22.048.150
<b>Cộng</b>	<b>691.520.810</b>	<b>854.081.400</b>

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		202.247.000	-		-	-
Trường THPT Lục Ngạn 2	Trên 3 năm	202.247.000	-	Trên 3 năm	202.247.000	-
<b>Cộng</b>		<b>202.247.000</b>	-		<b>202.247.000</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Nợ phải thu ngắn hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(202.247.000)	(202.247.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(202.247.000)</b>	<b>(202.247.000)</b>

**7. Hàng tồn kho**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
7.1	Nguyên liệu, vật liệu	9.072.893.604	-	7.921.025.828	-
7.2	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	445.917.647	-	308.365.458	-
<b>Cộng</b>		<b>9.518.811.251</b>	<b>-</b>	<b>8.229.391.286</b>	<b>-</b>

**7.1 Nguyên liệu, vật liệu**

Là giá trị tồn kho của nguyên vật liệu xây lắp như: Gang, thép... và nguyên vật liệu để sản xuất nước như: Clo, phèn, hóa chất...

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tại phụ lục số 01.

**9. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tính hóa đơn nước	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>519.777.977</b>	<b>60.000.000</b>	<b>579.777.977</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	-	-	-
<b>3. Giảm trong năm</b>	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>519.777.977</b>	<b>60.000.000</b>	<b>579.777.977</b>
<i>Trong đó: TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>519.777.977</i>	<i>60.000.000</i>	<i>579.777.977</i>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>			-
<b>1. Giá trị hao mòn đầu năm</b>	<b>519.777.977</b>	<b>60.000.000</b>	<b>579.777.977</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	-	-	-
<i>- Khấu hao trong năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>3. Giảm trong năm</b>	-	-	-
<b>4. Giá trị hao mòn cuối năm</b>	<b>519.777.977</b>	<b>60.000.000</b>	<b>579.777.977</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			-
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	-	-	-
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Chi phí xây dựng cơ bản**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nhà máy nước số 2 (*)	12.002.822.443	12.002.822.443
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước cho xã Nghĩa Trung và xã Quế Nham	6.757.668.515	-
Công trình lắp đặt tuyến ống D315 đường Trần Quang Khải	4.767.656.079	4.070.406.620
Công trình tuyến ống D315 vành đai Đông Bắc	2.112.320.096	-
Công trình khác	290.794.388	3.664.030.010
<b>Cộng</b>	<b>25.931.261.521</b>	<b>19.737.259.073</b>

(\*) Hiện Dự án Nhà máy nước số 2 đơn vị đang là chủ đầu tư đã dừng triển khai theo Thông báo số 120-TB/TU của tỉnh ủy Bắc Giang ngày 25 tháng 11 năm 2016 để đầu tư vào Dự án Nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hiện tại toàn bộ chi phí đầu tư thực hiện Dự án Xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh với số tiền là 12.002.822.443 đồng. Toàn bộ chi phí đầu tư thực hiện Dự án Xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh này sẽ được tập hợp và giải quyết khi Dự án được quyết toán.

Theo thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ tỉnh ủy về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang số 120-TB/TU ngày 25/11/2016: Nhất trí chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang của Công ty CP Nhựa Đồng Nai, dừng triển khai và không vay vốn ADB thực hiện Dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang do Công ty CP Nước sạch Bắc Giang làm chủ đầu tư, theo đề xuất của chủ tịch UBND tỉnh tại Tờ trình số 3686/TTr-UBND ngày 18/11/2016. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính làm trung gian, phối hợp chặt chẽ với Công ty CP Nước sạch Bắc Giang và Công ty CP Nhựa Đồng Nai trong quá trình Công ty CP Nhựa Đồng Nai tham gia mua cổ phần làm cổ đông chiến lược của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang cũng như giải quyết các chi phí đã phát sinh cho Dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang vay vốn ADB theo quy định.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Tình hình biến động

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.042.531.664	462.770.943
Tăng trong năm	2.914.266.844	3.814.462.851
Giảm trong năm	(3.499.665.087)	(2.234.702.130)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.457.133.421</b>	<b>2.042.531.664</b>

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ và chi phí sửa chữa TSCĐ	1.457.133.421	1.771.931.184
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	270.600.480
<b>Cộng</b>	<b>1.457.133.421</b>	<b>2.042.531.664</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>2.459.485.720</b>	<b>6.233.788.334</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	1.980.857.920	5.573.518.339
Công ty CP cơ điện tử Minh Khang	-	485.966.095
Đối tượng khác	478.627.800	174.303.900
<b>Cộng</b>	<b>2.459.485.720</b>	<b>6.233.788.334</b>

*Trong đó: Không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn.***13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho đối tượng khác</b>	<b>30.624.892</b>	<b>30.000.000</b>
Công ty CP Dầu khí Bắc Giang	30.000.000	30.000.000
Đối tượng khác	624.892	-
<b>Cộng</b>	<b>30.624.892</b>	<b>30.000.000</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết gồm:	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT đầu ra	-	-	685.824.763	685.824.763	-	-
Thuế TNDN	465.248.742	-	1.688.921.650	2.129.717.131	24.453.261	-
Thuế TNCN	41.521.750	-	336.676.609	354.604.699	23.593.660	-
Thuế tài nguyên	17.451.203	-	203.114.298	204.151.796	16.413.705	-
Phí nước thải SH	632.826.556	-	7.287.544.566	7.920.371.122	-	-
Thuế, phí khác	-	-	182.383.787	182.383.787	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.157.048.251</b>	-	<b>10.384.465.673</b>	<b>11.477.053.298</b>	<b>64.460.626</b>	-

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xây lắp là 10%, thuế GTGT của hoạt động cung cấp nước sạch là 5%, thuế GTGT cung cấp dịch vụ cho khu chế xuất là 0%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bảng ước tính thuế TNDN trong năm được dự tính như bảng sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.063.726.070	11.190.198.850
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	13.394.332
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	12.063.726.070	11.203.593.182
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	12.063.726.070	11.203.593.182
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>2.412.745.214</b>	<b>2.240.718.636</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)</b>	<b>723.823.564</b>	<b>672.215.591</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.688.921.650</b>	<b>1.568.503.045</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>1</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.688.921.650</b>	<b>1.568.503.046</b>

(\*) Công ty được miễn giảm theo Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 19/10/2021.

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp là dựa trên thu nhập chịu thuế ước tính có thể xem xét và điều chỉnh khi cơ quan thuế quyết toán.

**Thuế tài nguyên**

Thuế tài nguyên được tính trên khối lượng nước thô đơn vị khai thác trong năm. Đơn giá tính thuế tài nguyên là 2.250 đồng/m<sup>3</sup>.

**Thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Phải trả người lao động**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương phải trả	14.630.117.000	14.134.008.000
<b>Cộng</b>	<b>14.630.117.000</b>	<b>14.134.008.000</b>

**16. Chi phí phải trả**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí khấu hao TSCĐ (*)	13.804.726.250	13.804.726.250
Chi phí phải trả khác	733.964.636	678.419.000
<b>Cộng</b>	<b>14.538.690.886</b>	<b>14.483.145.250</b>

(\*) Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam với giá trị quyết toán là 39.442.075.000 đồng. Theo Thông báo số 230/UBND-XD của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 25 tháng 01 năm 2014, UBND tỉnh đồng ý cho UBND huyện Lục Nam bàn giao cho Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Giang nay là Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang quản lý, vận



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hành dự án trên. Tuy nhiên, hiện nay đơn vị vẫn chưa nhận được biên bản bàn giao của UBND huyện Lục Nam cho đơn vị về dự án trên vì vậy hiện tại đơn vị đang tạm trích khấu hao phải trả (10%) cho Dự án này để có nguồn vốn phải trả khi nhận được bàn giao từ đơn vị chủ quản trong năm theo giá trị quyết toán của UBND tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên, đơn vị đã dùng trích khấu hao từ ngày 01/07/2019.

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.377.152.456	2.197.374.295
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.074.960.884	1.924.339.161
Tăng khác	366.881.000	182.947.000
Chi quỹ	(2.188.540.000)	(1.927.508.000)
Giảm khác	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.630.454.340</b>	<b>2.377.152.456</b>

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiết tại phụ lục số 02.

##### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

(\*) Nguồn vốn chủ sở hữu

Chủ sở hữu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	51%	92.562.490.205	51%	92.562.490.205
Quỹ đầu tư cơ hội PVI	-	-	26,33%	47.778.970.000
Hướng Xuân Công	1,24%	2.250.000.000	1,24%	2.250.000.000
Trần Đăng Điều	0,55%	1.001.000.000	0,55%	1.001.000.000
Đối tượng khác	47,21%	85.680.970.000	20,88%	37.902.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>181.494.460.205</b>	<b>100%</b>	<b>181.494.460.205</b>

##### 18c. Cổ phiếu

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.400.800	24.400.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu thường	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu thường	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

031281  
CÔNG  
CH NHIỆM  
TOÁN VÀ  
IUAN  
TP. HỒ

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

##### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

###### 1a. Tổng doanh thu

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ bán nước sạch thành phố Bắc Giang	140.023.999.455	144.354.536.801
Doanh thu nước sạch xí nghiệp cấp nước Lục Nam	4.604.872.987	4.084.131.978
Doanh thu xây lắp	2.769.796.893	3.481.181.237
<b>Cộng</b>	<b>147.398.669.335</b>	<b>151.919.850.016</b>

###### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh nghiệp vụ bán hàng với các bên liên quan.

##### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	162.427.056	75.589.057
<b>Cộng</b>	<b>162.427.056</b>	<b>75.589.057</b>

##### 3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán nước sạch thành phố Bắc Giang	89.996.880.904	94.086.069.800
Giá vốn bán nước sạch xí nghiệp cấp nước Lục Nam	1.944.440.017	1.842.883.943
Giá vốn xây lắp	2.632.075.186	5.241.651.572
<b>Cộng</b>	<b>94.573.396.107</b>	<b>101.170.605.315</b>

##### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi tiết kiệm	3.595.758.492	5.199.178.732
<b>Cộng</b>	<b>3.595.758.492</b>	<b>5.199.178.732</b>

##### 5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	22.052.131.214	22.778.573.125
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	343.555.554	145.018.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.811.290.755	4.111.250.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	991.614.775	907.772.027
Chi phí bằng tiền khác	3.057.757.454	2.384.109.947
<b>Cộng</b>	<b>31.256.349.752</b>	<b>30.326.724.015</b>

75 - C  
TY  
HỮU HẠN  
TƯ VẤN  
/IET  
CHỈ N



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.677.039.781	10.170.956.845
Chi phí đồ dùng văn phòng	252.279.895	222.678.348
Chi phí khấu hao TSCĐ	316.179.849	383.925.605
Thuế, phí, lệ phí	104.787.311	94.134.908
Chi phí dự phòng	-	202.247.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	686.143.664	404.083.150
Chi phí bằng tiền khác	3.782.641.986	4.040.135.516
<b>Cộng</b>	<b>14.819.072.486</b>	<b>15.518.161.372</b>

**7. Thu nhập khác**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Thu 10% (phí thu nhập được giữ lại)	735.518.109	954.519.751
Thu thanh lý TSCĐ	31.362.634	139.172.437
Thu nhập khác	1.186.965.140	81.952.005
<b>Cộng</b>	<b>1.953.845.883</b>	<b>1.175.644.193</b>

**8. Chi phí khác**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nộp phạt	-	13.394.332
Chi phí khác	73.302.239	-
<b>Cộng</b>	<b>73.302.239</b>	<b>13.394.332</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.374.804.420	9.621.695.804
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.074.960.884)	(1.924.339.161)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	8.299.843.536	7.697.356.643
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.149.446	18.149.446
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>457</b>	<b>424</b>

Công ty chưa đại hội cổ đông, Lãi cơ bản trên cổ phiếu tạm tính theo tỷ lệ năm 2020. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ được điều chỉnh lại khi có nghị quyết của đại hội cổ đông về phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định trong điều lệ hoạt động của công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.149.446	18.149.446
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thặng dư vốn cổ phần	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>18.149.446</b>	<b>18.149.446</b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.299.843.536	7.697.356.643
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.299.843.536</b>	<b>7.697.356.643</b>
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.299.843.536	7.697.356.643
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.149.446	18.149.446
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>457</b>	<b>424</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.062.727.701	24.115.831.030
Chi phí nhân viên	48.516.722.065	50.590.935.850
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.483.180.843	14.851.580.042
Chi phí dự phòng	-	202.247.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.107.535.192	5.680.714.355
Chi phí bằng tiền khác	52.478.652.544	51.630.273.575
<b>Cộng</b>	<b>140.648.818.345</b>	<b>147.071.581.852</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

**2. Các khoản tiền và tương đương tiền mà công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Tại thời điểm cuối năm Công ty không có các khoản tiền và tương đương tiền đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)****1. Tài sản tiềm tàng**

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**2. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Thành viên quản lý chủ chốt.

**3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm có giao dịch về tiền lương, thưởng, phụ cấp và cổ tức trong năm cho các thành viên quản lý chủ chốt được chi tiết tại bảng sau:

Họ và tên	Năm nay			
	Lương	Thưởng, phụ cấp	Cổ tức	Tổng cộng
Ông Hướng Xuân Công	442.038.000	305.081.000	95.400.000	842.519.000
Ông Trần Đăng Điều	354.759.000	217.609.000	42.442.400	614.810.400
Ông Lê Ngọc Duyên	203.539.000	145.819.000	23.828.800	373.186.800
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	193.446.000	191.100.000	28.238.400	412.784.400
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	160.829.000	139.358.000	14.840.000	315.027.000
Bà Vũ Thị Thúy	117.668.000	121.022.000	12.720.000	251.410.000
Bà Hoàng Thị Thảo	101.618.000	79.707.000	5.512.000	186.837.000
<b>Tổng</b>	<b>1.573.897.000</b>	<b>1.199.696.000</b>	<b>222.981.600</b>	<b>2.996.574.600</b>
Họ và tên	Năm trước			
	Lương	Thưởng, phụ cấp	Cổ tức	Tổng cộng
Ông Hướng Xuân Công	481.699.000	295.020.000	44.775.000	821.494.000
Ông Trần Đăng Điều	386.339.000	195.736.000	19.919.900	601.994.900
Ông Lê Ngọc Duyên	328.823.000	149.584.000	11.183.800	489.590.800
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	217.016.000	172.960.000	13.253.400	403.229.400
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	182.727.000	122.872.000	6.965.000	312.564.000
Bà Vũ Thị Thúy	131.503.000	105.520.000	5.970.000	242.993.000
Bà Hoàng Thị Thảo	107.335.000	83.896.000	2.587.000	193.818.000
<b>Tổng</b>	<b>1.835.442.000</b>	<b>1.125.588.000</b>	<b>104.654.100</b>	<b>3.065.684.100</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

##### *Lĩnh vực kinh doanh:*

Trong năm, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán nước sạch và lắp đồng hồ nước.

##### *Khu vực địa lý:*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn tỉnh Bắc Giang.

#### 5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

#### 6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bắc Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



TRẦN ĐỨC THANH

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HƯƠNG XUÂN CÔNG



**Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	66.328.709.407	65.320.912.661	153.128.775.023	40.238.000	284.818.635.091
2. Tăng trong năm	843.371.545	3.863.969.673	4.937.278.886	-	9.644.620.104
- Tăng do mua mới	843.371.545	3.863.969.673	4.937.278.886	-	9.644.620.104
3. Giảm trong năm	-	40.966.667	-	-	40.966.667
- Thanh lý, nhượng bán	-	40.966.667	-	-	40.966.667
4. Số dư cuối năm	67.172.080.952	69.143.915.667	158.066.053.909	40.238.000	294.422.288.528
- Trong đó TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	19.514.877.801	34.976.126.096	78.709.032.255	40.238.000	133.240.274.152
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Giá trị hao mòn đầu năm	47.669.824.534	45.864.770.459	108.379.985.853	40.238.000	201.954.818.846
2. Tăng trong năm	4.746.747.898	3.375.055.027	4.361.377.918	-	12.483.180.843
Khấu hao trong năm	4.746.747.898	3.375.055.027	4.361.377.918	-	12.483.180.843
3. Giảm trong năm	-	40.966.667	-	-	40.966.667
- Thanh lý, nhượng bán	-	40.966.667	-	-	40.966.667
4. Giá trị hao mòn cuối năm	52.416.572.432	49.198.858.819	112.741.363.771	40.238.000	214.397.033.022
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	18.658.884.873	19.456.142.202	44.748.789.170	-	82.863.816.245
2. Tại ngày cuối năm	14.755.508.520	19.945.056.848	45.324.690.138	-	80.025.255.506

Trong đó: Đơn vị không đem tài sản cố định nào mang đi cầm cố, thế chấp.

Người lập biểu

*Trần Đức Thanh*

TRẦN ĐỨC THANH

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Phương Thảo*

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	181.494.460.205	1.159.555.542	-	-	3.344.675.961	185.998.691.708
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	9.899.578.098	9.899.578.098
+ Lãi trong năm nay	-	-	-	-	9.621.695.804	9.621.695.804
+ Hoàn trích quỹ ĐTPT	-	-	-	-	277.882.294	277.882.294
Giảm trong năm trước	-	(277.882.294)	-	-	(5.536.078.915)	(5.813.961.209)
+ Trả cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(3.611.739.754)	(3.611.739.754)
+ Hoàn trích quỹ ĐTPT	-	(277.882.294)	-	-	-	(277.882.294)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.924.339.161)	(1.924.339.161)
Số dư cuối năm trước	181.494.460.205	881.673.248	-	-	7.708.175.144	190.084.308.597
Số dư đầu năm nay	181.494.460.205	881.673.248	-	-	7.708.175.144	190.084.308.597
Tăng trong năm nay	-	-	-	-	10.374.804.420	10.374.804.420
+ Lãi trong năm nay	-	-	-	-	10.374.804.420	10.374.804.420
Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	(9.770.325.988)	(9.770.325.988)
+ Trả cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(7.695.365.104)	(7.695.365.104)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.074.960.884)	(2.074.960.884)
Số dư cuối năm nay	181.494.460.205	881.673.248	-	-	8.312.653.576	190.688.787.029

Người lập biểu

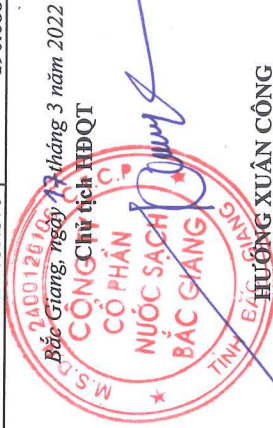
*Trần Đức Thanh*

**TRẦN ĐỨC THANH**

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Phương Thảo*

**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**



**HƯƠNG XUÂN CÔNG**